

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN CHÂU  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 05 -02-2025  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Triệu Văn Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Tiến Hiệt.
2. Ông Hoàng Anh Văn.

**- Thư ký phiên Tòa:** Ông Hà Văn Thiết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Phương Thủy – Kiểm Sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 23 tháng 01 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Vì Thị K - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản Tà Làng Trung, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.  
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn H - Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Bản Tà Làng Trung, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.  
Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Vì Thị K trình bày:*

Chị và Anh Lò Văn H kết hôn trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán năm 2011 và có đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại bản Tà Làng Trung, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm sống. hai bên đã ly thân từ 7/2023 đến nay không còn qua lại. Nay thấy tình cảm không còn, Chị Vì Thị K xin được ly hôn với Anh Lò Văn H.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung, cháu đầu tên Lò Yên N sinh năm 2013, cháu thứ hai tên Lò Ngọc T sinh ngày 30/4/2020, cháu Lò Minh Đ sinh ngày 24/4/2022. Sau ly hôn Chị Vì Thị K xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba cháu, không yêu cầu anh Hữu cấp dưỡng nuôi con cùng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 25/12/2024 bị đơn Anh Lò Văn H trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Khuyên về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống và con chung.

Sau khi làm đám cưới theo phong tục tập quán và Đăng ký kết hôn tại UBND xã Tú Nang anh và chị Khuyên chung sống hạnh phúc tại bản Tà Làng Trung, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, đến năm 2022 thì ly thân từ đó đến nay. Nay vợ anh Chị Vì Thị K xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Đối với yêu cầu được nuôi 03 con chung là cháu Lò Yên N sinh năm 2013, Lò Ngọc T sinh ngày 30/4/2020, cháu Lò Minh Đ sinh ngày 24/4/2022 của chị Khuyên không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án do bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú Tòa án không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được, mà giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh Lò Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/12/2024 đồng thời đồng ý ly hôn với Chị Vì Thị K, đồng ý với ý kiến của chị Khuyên về con chung, tài sản chung và nợ chung, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại các đơn lựa chọn người nuôi dưỡng ngày 26/04/2024 của cháu Lò Yên N cháu cho biết nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại Biên bản xác minh ngày 26/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xác minh về sự có mặt tại nơi cư trú của bị đơn Lò Văn Hữu như sau: Ông Hà Thanh Hoàng, trưởng công an xã Tú Nang cho biết công dân Lò Văn Hữu, sinh năm 1984, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Tà Làng Trung, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, cùng hộ khẩu với chị Lò Thị Khuyên. Hiện nay Anh Lò Văn H không có mặt tại địa phương, qua theo dõi trên hệ thống quản lý thì Lò Văn Hữu không đăng ký tạm trú, tạm vắng và không đăng ký nơi cư trú tại địa phương khác, việc Lò Văn Hữu đi khỏi nơi cư trú không báo với công an xã nên Công an xã Tú Nang không nắm được hiện nay công dân Lò Văn Hữu đi đâu, làm việc gì, sinh sống ở địa phương nào.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 57, 81,82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nội dung vụ án:

Do Chị Vì Thị K và Anh Lò Văn H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng đã không còn. Chị Vì Thị K có đơn đề nghị yêu cầu ly hôn, anh Hữu đồng ý. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Vì Thị K, cho Chị Vì Thị K được ly hôn Anh Lò Văn H.

Về con chung: Đối với yêu cầu được nuôi 03 con chung là cháu Lò Yến N sinh năm 2013, Lò Ngọc T sinh ngày 30/4/2020, cháu Lò Minh Đ sinh ngày 24/4/2022 của chị Khuyên không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với nợ chung: Không có, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí DSST không có giá ngạch 300.000đ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Vì Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung đối với Anh Lò Văn H, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Anh Lò Văn H có nơi cư trú cuối cùng trước khi rời khỏi nơi cư trú là bản Tà Làng Trung, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Yên Châu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3] Bị đơn Anh Lò Văn H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bản tự khai ngày 25/12/2024. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn và bị đơn trình bày, Chị Khuyên và anh Hữu kết hôn trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán và có ĐKKH năm 2018 tại UBND xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại bản Tà Làng Trung, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách và bất đồng quan điểm sống. Hai bên đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, Chị Vì Thị K xin được ly hôn với Anh Lò Văn H. Việc anh chị có đăng ký kết hôn làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm, hai bên đã ly thân không còn qua lại quan tâm nhau nữa. Mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng. Nay chị Khuyên có đề nghị được ly hôn, anh Hữu đồng ý, xét thấy đã đủ căn cứ để cho hai bên được ly hôn khi hai bên mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Vì Thị K, cho Chị Vì Thị K được ly hôn Anh Lò Văn H.

[5] Về con chung:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Chị Vì Thị K có ý kiến xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc yêu cầu được nuôi 03 con chung là cháu Lò Yến N sinh năm 2013, Lò Ngọc T sinh ngày 30/4/2020, cháu Lò Minh Đ sinh ngày 24/4/2022 của chị Khuyên không yêu cầu anh Hữu cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi lời khai, Anh Lò Văn H có ý kiến: Đồng ý với ý kiến của chị Khuyên.

Hội đồng xét xử xét thấy, do Anh Lò Văn H đã vắng mặt tại nơi cư trú không thể đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Mặt khác hai anh chị đã thỏa thuận được việc nuôi con chung cần tôn trọng sự thỏa thuận của các đương sự. Đối với cháu Lò Yến N có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Việc chị Khuyên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 cháu là hợp lý.

Do đó căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Khuyên, giao 03 con chung là

cháu Lò Yên N sinh năm 2013, Lò Ngọc T sinh ngày 30/4/2020, cháu Lò Minh Đ sinh ngày 24/4/2022 cho mẹ là Chị Vì Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành 18 tuổi, có khả năng lao động.

Anh Lò Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, có quyền yêu cầu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Khuyên không yêu cầu anh Hữu cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Khuyên và anh Hữu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về khoản nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST không có giá ngạch 300.000đ theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0000374 ngày 17 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Yên Châu.

[9] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu là phù hợp nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Vì Thị K.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Vì Thị K được ly hôn Anh Lò Văn H.
3. Về con chung: Giao các con chung là cháu Lò Yên N sinh năm 2013, Lò Ngọc T sinh ngày 30/4/2020, cháu Lò Minh Đ sinh ngày 24/4/2022 cho mẹ là Chị Vì Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lò Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các

con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, có quyền yêu cầu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

5. Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

6. Về án phí: Chị Vì Thị K phải chịu toàn bộ án phí DSST không có giá ngạch 300.000đ theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0000374 ngày 17 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Yên Châu.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKS nhân dân huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- UBND xã Tú Nang, huyện Yên Châu;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Triệu Văn Quang**